

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST.

Ngày: 29/5/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Minh Đức**

2. Bà **Huỳnh Thị Phụng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Phan Minh Tân** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

PHẠM NGỌC T, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Giới tính: Nữ.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, xã K, huyện G, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Phạm Văn T, sinh năm xxxx và bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm xxxx; Chồng Đỗ Xuân V, sinh năm xxxx, Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm xxxx, nhỏ nhất sinh ngày xx/xx/xxxx Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị Phạm Ngọc T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: **Lý Ngọc T**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Đỗ Xuân V**, sinh năm xxxx (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ 20 phút, ngày 06/02/2023, Phạm Ngọc T có điều khiển xe mô tô Vario màu đen, biển số 63B7- 506.32 đến địa bàn ấp Chợ, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang để mua cá về nấu cơm bán cho khách, T ghé vào ngã ba chợ thuộc ấp Chợ, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang để mua cá của chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm xxxx, ngụ ấp Xóm Lưới, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, khi mua cá xong thì T lên xe chuẩn bị ra về thì có một con cá mà T đã mua nhảy rơi xuống đất, T liền xuống xe nhặt con cá lên, tại vị trí T đang nhặt cá thì T thấy có một cái túi xách bên trong đựng nhiều tiền của chị Lý Ngọc T, sinh năm 1989, ngụ ấp Xóm Đen, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang được để kế bên chân chị T nhưng chị T xoay mặt về hướng khác để mua cá mà không trông coi túi tiền, lúc này T nảy sinh ý định trộm cắp túi tiền này để tiêu xài, T trộm cái túi xách bên trong có tiền rồi leo lên xe mô tô chạy vào đường đá thuộc ấp Chợ, xã Kiểng Phước và đem túi tiền đã trộm cắp được ra kiểm tra thì T thấy bên trong túi xách có nhiều tiền, T liền bỏ số tiền đã trộm cắp được vào trong cốp xe máy Vario màu đen, biển số 63B7- 506.32 rồi ném cái túi xách màu tím vào vườn cây, T điều khiển xe mô tô về nhà của mình ở ấp Xóm Đình, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang lấy số tiền đã trộm cắp được bỏ vào một túi nylon đựng tả em bé hiệu Huggies màu xanh (T không đếm số tiền đã trộm cắp được là bao nhiêu) rồi đem cất giấu số tiền đã trộm cắp được ở bụi chuối sau nhà của T rồi T vào nhà nấu đồ ăn chuẩn bị bán cho khách, sau đó Công an đến mời T về trụ sở làm việc. Qua làm việc T đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình, tổng số tiền mà T đã trộm cắp trong túi xách màu tím của chị T là **15.456.000** đồng (Mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ:

+ Tiền Việt Nam: **15.456.000** đồng (Mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Trong đó gồm: 19 (mười chín tờ) mệnh giá 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng); 28 (hai mươi tám) tờ mệnh giá 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng); 84 (tám mươi bốn) tờ mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng); 86 (tám mươi sáu) tờ mệnh giá 20.000 đồng (hai mươi ngàn đồng); 211 (hai trăm mười một) tờ mệnh giá 10.000 đồng (mười ngàn đồng); 72 (bảy mươi hai) tờ mệnh giá 5.000 đồng (năm ngàn đồng); 187 (một trăm tám mươi bảy) tờ mệnh giá 2.000 đồng (hai ngàn đồng) và 92 (chín mươi hai) tờ mệnh giá 1.000 đồng (một ngàn đồng);

+ 01 (một) túi vải màu tím có hình bông hoa;

+ 01 (một) túi nylon có ghi dòng chữ Huggies, màu xanh;

+ 01 (một) xe mô tô Vario màu Đen, biển số 63B7- 506.32, số khung 4113KK546380, số máy KF41E1546778.i.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Ngọc T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về vật chứng của vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lý Ngọc T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

* Bản Cáo trạng số 19/CT-VKS-GCĐ ngày 26/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông truy tố bị cáo Phạm Ngọc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm.

Bị cáo Phạm Ngọc T nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại chị Lý Ngọc T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Ngọc T được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Xuân V xin vắng mặt. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của họ về những tình tiết có

liên quan và việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, bị cáo cũng không có ý kiến gì nên căn cứ quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có cơ sở xác định: Vào khoảng 04 giờ 20 phút, ngày 06/02/2023 tại ấp Chợ, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị can Phạm Ngọc T đã lén lút trộm cắp tài sản của Lý Ngọc T tổng số tiền Việt Nam có giá trị là: **15.456.000** đồng (Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định về tội trộm cắp tài sản như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

... ”

Như vậy hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị: **15.456.000** đồng (Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng) của bị cáo Phạm Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông truy tố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Xét khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phạm Ngọc T đã trưởng thành, đủ khả năng nhận thức việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Bị cáo là người trong độ tuổi lao động, có sức khỏe bình thường nhưng không có lối sống tích cực cho bản thân, gia đình và có ích cho xã hội, không có ý thức chấp hành pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân.

- Xét về nhân thân: Bị cáo Phạm Ngọc T có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự.

- Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Phạm Ngọc T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại có đơn xin bãi nại và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Ngọc T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét thấy, bị cáo Phạm Ngọc T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật tại địa phương, bị cáo bị xử phạt không quá 03 năm tù. Nghĩ không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội, trong thời gian chấp hành bản án là đã có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt về sau phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, do xét thấy bị cáo bị cáo phải nuôi con còn nhỏ, không có thu nhập ổn định.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lý Ngọc T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Gò Công Đông đã trao trả cho chủ sở hữu là anh Đỗ Xuân V 01 (một) xe mô tô Vario màu Đen, biển số 63B7- 506.32, số khung 4113KK546380, số máy KF41E1546778 nên không đặt ra xem xét.

- Trao trả cho chị Lý Ngọc T số Tiền Việt Nam: **15.456.000** đồng (Mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng) và 01 (một) túi vải màu tím có hình bông hoa nên không đặt ra xem xét.

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng 01 (một) túi nylon có ghi dòng chữ Huggies, màu xanh.

[7] Lời luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Phạm Ngọc T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Phạm Ngọc T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1.2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc T **01 (một) năm** tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án (29/5/2023).

Giao bị cáo Phạm Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo Phạm Ngọc T cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- Công an H.GCĐ;
- THA;
- Bị cáo
- Bị hại; NLQ;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Nguyên